

(Đề thi gồm 04 trang)

Họ tên thí sinh:..... Số báo danh:

Mã đề thi 132

Câu 1: Hiện tượng chùm ánh sáng trắng đi qua một lăng kính, bị phân tách thành các chùm sáng đơn sắc là hiện tượng

- A. phản xạ toàn phần. B. phản xạ ánh sáng. C. tán sắc ánh sáng. D. giao thoa ánh sáng.

Câu 2: Một vật dao động điều hòa với tần số $f(Hz)$, chu kỳ $T(s)$ và tần số góc $\omega(rad/s)$, biểu thức liên hệ nào sau đây **không đúng**

- A. $T = \frac{1}{f}$. B. $\omega = \frac{2\pi}{T}$. C. $T = 2\pi\omega$. D. $\omega = 2\pi f$.

Câu 3: Khi nói về sóng âm, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Siêu âm có tần số lớn hơn 20000 Hz.
B. Đơn vị của mức cường độ âm là W/m^2 .
C. Sóng âm không truyền được trong chân không.
D. Hạ âm có tần số nhỏ hơn 16 Hz.

Câu 4: Mạch điện chỉ chứa phần tử nào sau đây **không cho dòng điện không đổi** chạy qua?

- A. Điện trở thuần nối tiếp với tụ điện.
B. Cuộn dây thuần cảm.
C. Cuộn dây không thuần cảm.
D. Điện trở thuần nối tiếp với cuộn dây thuần cảm.

Câu 5: Đặt điện áp xoay chiều vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở thuần, cuộn cảm thuần và tụ điện thì cường độ dòng điện trong đoạn mạch

- A. sớm pha $\frac{\pi}{2}$ so với điện áp giữa hai đầu cuộn cảm thuần.
B. cùng pha với điện áp giữa hai đầu cuộn cảm thuần.
C. trễ pha $\frac{\pi}{2}$ so với điện áp giữa hai bản tụ điện.
D. cùng pha với điện áp giữa hai đầu điện trở thuần.

Câu 6: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos(100\pi t + \pi/6)$ vào hai đầu đoạn mạch chỉ chứa cuộn cảm thuần có độ tự cảm $L = \frac{1}{2\pi} H$. Cảm kháng của cuộn dây là

- A. 100Ω . B. 200Ω . C. 50Ω . D. 20Ω .

Câu 7: Máy phát điện xoay chiều hoạt động dựa trên

- A. hiện tượng cảm ứng điện từ. B. tác dụng của từ trường lên dòng điện.
C. hiện tượng quang điện. D. tác dụng của dòng điện lên nam châm.

Câu 8: Số notrôn của hạt nhân $^{235}_{92}U$ nhiều hơn số notrôn của hạt nhân $^{206}_{82}Pb$ là

- A. 19. B. 29. C. 10. D. 8.

Câu 9: Biết bán kính Bo là $r_0 = 5,3.10^{-11}m$. Bán kính quỹ đạo dừng N trong nguyên tử hiđrô bằng

- A. $84,8.10^{-11}m$. B. $132,5.10^{-11}m$. C. $47,7.10^{-11}m$. D. $21,2.10^{-11}m$.

Câu 10: Trong chân không, bước sóng ánh sáng đỏ bằng

- A. $750nm$. B. $750\mu m$. C. $750mm$. D. $750pm$.

Câu 11: Trên một sợi dây AB dài 90 cm, hai đầu cố định, đang có sóng dừng với tần số 50Hz. Biết tốc độ truyền sóng trên dây là 10 m/s. Số bụng sóng trên dây là

- A. 8. B. 6. C. 10. D. 9.

Câu 12: Chiếu một bức xạ đơn sắc có tần số f vào một tấm kim loại có giới hạn quang điện ngoài là λ_0 thì thấy có hiện tượng quang điện xảy ra (electron bứt ra khỏi kim loại). Khi đó, ta có mối quan hệ đúng là (c là vận tốc ánh sáng trong chân không)

- A. $f < c\lambda_0$. B. $\lambda_0 > \frac{c}{f}$. C. $f < \frac{c}{\lambda_0}$. D. $f < \frac{\lambda_0}{c}$.

Câu 13: Một vật nhỏ dao động điều hòa theo một quỹ đạo thẳng dài 10 cm. Quãng đường vật đi được trong một chu kỳ dao động bằng

- A. 10 cm. B. 20 cm. C. 5 cm. D. 40 cm.

Câu 14: Một mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do với điện tích cực đại của tụ điện là Q_0 và cường độ dòng điện cực đại trong mạch là I_0 . Dao động điện từ tự do trong mạch có tần số là

- A. $f = \frac{2\pi Q_0}{I_0}$. B. $f = \frac{Q_0}{I_0}$. C. $f = \frac{I_0}{Q_0}$. D. $f = \frac{I_0}{2\pi Q_0}$.

Câu 15: Để phân loại sóng ngang và sóng dọc người ta dựa vào

- A. tốc độ truyền sóng và bước sóng. B. phương truyền sóng và tần số sóng.
C. năng lượng sóng và tốc độ truyền sóng. D. phương dao động và phương truyền sóng.

Câu 16: Khi nói về tia gamma (γ), phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Tia γ có tần số lớn hơn tần số của tia X.
B. Tia γ không mang điện.
C. Tia γ không phải là sóng điện từ.
D. Tia γ có khả năng đâm xuyên mạnh hơn tia X.

Câu 17: Trong một thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe là $a = 0,5\text{mm}$, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là $D = 2\text{m}$. Nguồn sáng phát ánh sáng đơn sắc có bước sóng $0,5\mu\text{m}$. Trên màn khoảng cách giữa một vân sáng và một vân tối cạnh nhau bằng

- A. 2mm . B. 1mm . C. 4mm . D. $0,5\text{mm}$.

Câu 18: Đặt điện áp xoay chiều ổn định $u = U_0 \cos(\omega t)$ vào hai đầu đoạn mạch gồm cuộn dây thuần cảm và điện trở thuần R thì cường độ dòng điện qua đoạn mạch trễ pha $\pi/3$ so với điện áp hai đầu mạch. Tổng trở của đoạn mạch bằng

- A. R . B. $2R$. C. $\sqrt{2}R$. D. $R\sqrt{3}$.

Câu 19: Ban đầu một mẫu chất phóng xạ nguyên chất có N_0 hạt nhân. Biết chu kì bán rã của chất phóng xạ này là T . Sau thời gian $3T$, kể từ thời điểm ban đầu, số hạt nhân chưa phân rã của mẫu chất phóng xạ này là

- A. $\frac{N_0}{4}$. B. $\frac{N_0}{8}$. C. $\frac{3N_0}{4}$. D. $\frac{7N_0}{8}$.

Câu 20: Mạch dao động của máy thu sóng vô tuyến có tụ điện với điện dung C và cuộn cảm với độ tự cảm L , thu được sóng điện từ có bước sóng 25 m. Để thu được sóng điện từ có bước sóng 50 m, người ta phải mắc song song với tụ điện của mạch dao động trên một tụ điện có điện dung C' bằng

- A. $2C$. B. $4C$. C. $3C$. D. C .

Câu 21: Cho khối lượng của hạt prôtôn, notron và hạt nhân Heli (${}^4\text{He}$) lần lượt là $1,0073u$; $1,0087u$ và $4,0015u$. Biết $1u = 931,5\text{MeV}/c^2$. Năng lượng liên kết của hạt nhân ${}^4\text{He}$ xấp xỉ bằng

- A. $21,92\text{MeV}$. B. $35,79\text{MeV}$. C. $16,47\text{MeV}$. D. $28,41\text{MeV}$.

Câu 22: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos(100\pi t + \frac{\pi}{3})\text{V}$ vào hai đầu một cuộn cảm thuần có độ tự cảm

$L = \frac{1}{2\pi}(\text{H})$. Ở thời điểm điện áp giữa hai đầu cuộn cảm là $u = 100\sqrt{2}\text{V}$ thì cường độ dòng điện qua cuộn cảm là $i = 2\text{A}$. Biểu thức của cường độ dòng điện qua cuộn cảm là

- A. $i = 2\sqrt{3} \cos(100\pi t + \frac{\pi}{6})(\text{A})$. B. $i = 2\sqrt{2} \cos(100\pi t - \frac{\pi}{6})(\text{A})$.
C. $i = 2\sqrt{3} \cos(100\pi t - \frac{\pi}{6})(\text{A})$. D. $i = 2\sqrt{2} \cos(100\pi t + \frac{\pi}{6})(\text{A})$.

Câu 23: Một máy biến áp lí tưởng có số vòng dây ở cuộn sơ cấp là 5000 vòng, số vòng dây ở cuộn thứ cấp là 250 vòng. Biết điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn sơ cấp là 220V. Điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn thứ cấp là

- A. $5,5\text{V}$. B. 4400V . C. 11V . D. 55V .

Câu 24: Theo thuyết lượng tử ánh sáng thì năng lượng của

- A. các photon trong chùm sáng đơn sắc bằng nhau.
- B. một photon bằng năng lượng nghỉ của một electron.
- C. một photon phụ thuộc vào khoảng cách từ photon đó tới nguồn phát ra nó.
- D. một photon tỉ lệ thuận với bước sóng ánh sáng tương ứng với photon đó.

Câu 25: Một chất điểm dao động điều hòa trên trục Ox, gốc tọa độ O tại vị trí cân bằng. Biết phương trình vận tốc của chất điểm là $v = 20\pi \cos(2\pi t + \pi/6) \text{ (cm/s)}$. Phương trình dao động của chất điểm có dạng

- A. $x = 10 \cos(2\pi t - \pi/3) \text{ (cm)}$.
- B. $x = 20 \cos(2\pi t + 5\pi/6) \text{ (cm)}$.
- C. $x = 10 \cos(2\pi t + 2\pi/3) \text{ (cm)}$.
- D. $x = 20 \cos(2\pi t + \pi/3) \text{ (cm)}$.

Câu 26: Giới hạn quang điện của Nhôm và của Natri lần lượt là $0,36 \mu\text{m}$ và $0,50 \mu\text{m}$. Biết $1\text{eV} = 1,6 \cdot 10^{-19} \text{ J}$, $h = 6,625 \cdot 10^{-34} \text{ J.s}$ và $c = 3 \cdot 10^8 \text{ m/s}$. Công thoát của electron khỏi Nhôm lớn hơn công thoát của electron khỏi Natri một lượng là

- A. 0,140 eV.
- B. 0,966 eV.
- C. 0,322 eV.
- D. 1,546 eV.

Câu 27: Tại một nơi trên Trái Đất có gia tốc rơi tự do g , một con lắc đơn mà dây treo dài ℓ đang thực hiện dao động điều hòa. Thời gian ngắn nhất để vật nhỏ của con lắc đi từ vị trí biên về vị trí cân bằng là

- A. $\Delta t = 2\pi \sqrt{\frac{\ell}{g}}$.
- B. $\Delta t = \frac{\pi}{4} \sqrt{\frac{\ell}{g}}$.
- C. $\Delta t = \frac{\pi}{2} \sqrt{\frac{\ell}{g}}$.
- D. $\Delta t = \pi \sqrt{\frac{\ell}{g}}$.

Câu 28: Cho hạt nhân ${}_{Z_1}^A X$ và hạt nhân ${}_{Z_2}^A Y$ có độ hụt khối lần lượt là Δm_1 và Δm_2 . Biết hạt nhân ${}_{Z_1}^A X$ bền vững hơn hạt nhân ${}_{Z_2}^A Y$. Hệ thức đúng là

- A. $\frac{\Delta m_1}{A_1} > \frac{\Delta m_2}{A_2}$.
- B. $A_1 > A_2$.
- C. $\frac{\Delta m_1}{A_1} < \frac{\Delta m_2}{A_2}$.
- D. $\Delta m_1 > \Delta m_2$.

Câu 29: Một chất điểm dao động điều hòa trên trục Ox nằm ngang với động năng cực đại W_0 , lực kéo về có độ lớn cực đại F_0 . Vào thời điểm lực kéo về có độ lớn bằng một nửa F_0 thì động năng của vật bằng

- A. $\frac{W_0}{2}$.
- B. $\frac{3W_0}{4}$.
- C. $\frac{2W_0}{3}$.
- D. $\frac{W_0}{4}$.

Câu 30: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos(\omega t)$ (với U_0, ω không đổi) vào hai đầu đoạn mạch RLC nối tiếp. Điện áp hiệu dụng hai đầu điện trở thuần là 120V, hai đầu cuộn dây thuần cảm là 90V và hai đầu tụ điện là 180 V. Điện áp hiệu dụng ở hai đầu đoạn mạch này bằng

- A. 120V.
- B. $120\sqrt{2} \text{ V}$.
- C. 210V.
- D. 150V.

Câu 31: Một chất điểm dao động điều hoà trên trục Ox, với gia tốc cực đại là 320 cm/s^2 . Khi chất điểm đi qua vị trí gia tốc có độ lớn 160 cm/s^2 thì tốc độ của nó là $40\sqrt{3} \text{ cm/s}$. Biên độ dao động của chất điểm là

- A. 8 cm.
- B. 20 cm.
- C. 10 cm.
- D. 16 cm.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về quang phổ?

- A. Quang phổ liên tục của nguồn sáng nào thì phụ thuộc thành phần cấu tạo của nguồn sáng ấy.
- B. Để thu được quang phổ hấp thụ thì nhiệt độ của đám khí hay hơi hấp thụ phải cao hơn nhiệt độ của nguồn sáng phát ra quang phổ liên tục.
- C. Quang phổ hấp thụ là quang phổ của ánh sáng do một vật rắn phát ra khi vật đó được nung nóng.
- D. Mỗi nguyên tố hoá học ở trạng thái khí hay hơi nóng sáng dưới áp suất thấp cho một quang phổ vạch riêng, đặc trưng cho nguyên tố đó.

Câu 33: Cho đoạn mạch AB mắc nối tiếp gồm một tụ điện, một cuộn dây và một biến trở R. Điện áp xoay chiều giữa hai đầu đoạn mạch ổn định. Cho R thay đổi ta thấy: Khi $R = R_1 = 76\Omega$ thì công suất tiêu thụ của biến trở có giá trị lớn nhất là P_0 ; khi $R = R_2$ thì công suất tiêu thụ của mạch AB có giá trị lớn nhất là $2P_0$. Giá trị của R_2 bằng

- A. $60,8\Omega$.
- B. $12,4\Omega$.
- C. $15,2\Omega$.
- D. $45,6\Omega$.

Câu 34: Thực hiện thí nghiệm Y-âng về giao thoa với ánh sáng có bước sóng λ . Khoảng cách giữa hai khe hẹp là 1mm . Trên màn quan sát, tại điểm M cách vân trung tâm $4,5\text{ mm}$ có vân sáng bậc 4. Giữ cố định các điều kiện khác, di chuyển dần màn quan sát dọc theo đường thẳng vuông góc với mặt phẳng chứa hai khe ra xa cho đến khi vân giao thoa tại M chuyển thành vân tối lần thứ hai thì khoảng dịch màn là $0,9\text{ m}$. Bước sóng λ trong thí nghiệm bằng

- A. $0,45\mu\text{m}$. B. $0,54\mu\text{m}$. C. $0,65\mu\text{m}$. D. $0,75\mu\text{m}$.

Câu 35: Tại mặt nước, hai nguồn kết hợp được đặt ở A và B cách nhau 14 cm , dao động điều hòa cùng tần số, cùng pha, theo phương vuông góc với mặt nước. Sóng truyền trên mặt nước với bước sóng $1,2\text{ cm}$. Điểm M nằm trên đoạn AB cách A một đoạn 6 cm . Ax, By là hai nửa đường thẳng trên mặt nước, cùng một phía so với AB và vuông góc với AB. Cho điểm C di chuyển trên Ax và điểm D di chuyển trên By sao cho MC luôn vuông góc với MD. Khi diện tích của tam giác MCD có giá trị nhỏ nhất thì số điểm dao động với biên độ cực đại có trên đoạn CD là

- A. 14. B. 13. C. 12. D. 15.

Câu 36: Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số, nhưng vuông pha nhau, có biên độ tương ứng là A_1 và A_2 . Biết dao động tổng hợp có phương trình $x = 16\cos(\omega t) (\text{cm})$ và lệch pha so với dao động thứ nhất một góc α_1 . Thay đổi biên độ của hai dao động, trong đó biên độ của dao động thứ hai tăng lên $\sqrt{15}$ lần (nhưng vẫn giữ nguyên pha của hai dao động thành phần) khi đó dao động tổng hợp có biên độ không đổi nhưng lệch pha so với dao động thứ nhất một góc là α_2 , với $\alpha_1 + \alpha_2 = \frac{\pi}{2}$. Giá trị ban đầu của biên độ A_2 là

- A. 6 cm . B. 13 cm . C. 9 cm . D. 4 cm .

Câu 37: Trong môi trường đẳng hướng và không hấp thụ âm, trên mặt phẳng nằm ngang có 3 điểm O; M; N tạo thành tam giác vuông tại O, với $OM = 80\text{m}$; $ON = 60\text{m}$. Đặt tại O một nguồn điểm phát âm công suất P không đổi thì mức cường độ âm tại M là 50dB . Mức cường độ âm lớn nhất trên đoạn MN xấp xỉ bằng

- A. $80,2\text{dB}$. B. $65,8\text{dB}$. C. 50dB . D. $54,4\text{dB}$.

Câu 38: Đặt một điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos(\omega t) (\text{V})$ vào hai đầu đoạn mạch nối tiếp theo thứ tự R_1, R_2 và tụ điện có điện dung C có thể thay đổi. Biết $R_1 = 2R_2 = 50\sqrt{3}\Omega$. Điều chỉnh giá trị của C đến khi điện áp tức thời hai đầu đoạn mạch lệch pha cực đại so với điện áp hai đầu đoạn mạch chứa R_2 và C. Giá trị Z_C khi đó là

- A. 200Ω . B. 100Ω . C. 75Ω . D. 20Ω .

Câu 39: Dùng một prôtôn có động năng $5,45\text{MeV}$ bắn vào hạt nhân ${}^9_4\text{Be}$ đang đứng yên. Phản ứng tạo ra hạt nhân X và hạt α . Hạt α bay ra theo phương vuông góc với phương tới của hạt prôtôn và có động năng 4MeV . Khi tính động năng của các hạt, lấy khối lượng các hạt nhân tính theo đơn vị khối lượng nguyên tử bằng số khối của chúng. Năng lượng tỏa ra trong phản ứng này bằng

- A. $2,125\text{ MeV}$. B. $1,145\text{ MeV}$. C. $4,225\text{ MeV}$. D. $3,125\text{ MeV}$.

Câu 40: Cho ba con lắc lò xo dao động điều hòa theo phương nằm ngang. Biết ba lò xo giống hệt nhau và vật nặng có khối lượng tương ứng là m_1, m_2, m_3 . Lần lượt kéo ba vật sao cho ba lò xo giãn cùng một đoạn A như nhau rồi thả nhẹ cho ba vật dao động điều hòa. Khi đi qua vị trí cân bằng vận tốc của hai vật m_1, m_2 có độ lớn lần lượt $v_1 = 20\text{cm/s}$, $v_2 = 10\text{cm/s}$. Biết $m_3 = 9m_1 + 4m_2$, độ lớn vận tốc cực đại của vật m_3 bằng

- A. $v_{3\text{max}} = 9\text{ cm/s}$. B. $v_{3\text{max}} = 4\text{ cm/s}$. C. $v_{3\text{max}} = 10\text{ cm/s}$. D. $v_{3\text{max}} = 5\text{ cm/s}$.

----- HẾT -----